

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS

*Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021*

Được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
Địa chỉ: 29 Võ Thị Sáu, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh - Tel: (028) 38.205.944 - Fax: (028) 38.205.942

MỤC LỤC

<u>Nội dung</u>	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	03 - 05
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	06 - 07
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	
- Báo cáo tình hình tài chính riêng	08 - 10
- Báo cáo kết quả hoạt động riêng	11 - 12
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	13 - 14
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng	15
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng	16 - 40



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán KS (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1. Đặc điểm hình thức vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán KS tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam Gateway, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005774 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 22/12/2006; Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 42/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006; các Giấy phép điều chỉnh số 09/GPĐC-UBCK ngày 11/03/2021, Giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK ngày 15/07/2021, Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 13/01/2022, Giấy phép điều chỉnh số 13/GPĐC-UBCK ngày 28/01/2022 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 43/QĐ-UBCK ngày 19/01/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận thành lập văn phòng đại diện công ty chứng khoán.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 12.000.000.000 VND và được bổ sung trong từng thời kỳ theo các Giấy phép điều chỉnh. Theo giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15/07/2021, vốn điều lệ của công ty là 1.000.373.030.000 VND.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK 1.000.373.030.000 VND

Vốn thực góp của Công ty tại ngày 31/12/2021 1.000.373.030.000 VND

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam.

2. Ngành nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

3. Mô hình hoạt động của doanh nghiệp

Trong năm, Công ty không có phát sinh việc thành lập Chi nhánh hoặc Công ty con.

4. Kết quả hoạt động

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty được thể hiện trong báo cáo tài chính riêng đính kèm.

5. Các sự kiện sau ngày khoá sổ kế toán lập báo cáo tài chính riêng

Theo Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 13/01/2022 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Công ty thay đổi trụ sở tại TP. Hà Nội và đăng ký địa chỉ tại Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội.

Theo Giấy phép điều chỉnh số 13/GPĐC-UBCK ngày 28/01/2022 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Công ty thay đổi người đại diện theo pháp luật là Ông Nguyễn Nam Hưng, chức danh là Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Giám đốc điều hành.

Theo Quyết định số 43/QĐ-UNCK ngày 19/01/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty thành lập 03 văn phòng đại diện là: Công ty Cổ phần Chứng khoán KS - Văn phòng đại diện Phú Thọ, Công ty Cổ phần Chứng khoán KS - Văn phòng đại diện Thái Nguyên và Công ty Cổ phần Chứng khoán KS - Văn phòng đại diện Vĩnh Phúc.

Ngoài sự kiện nêu trên, Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31/12/2021 có thể ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán KS cần thiết phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính này.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS

Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

6. Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Đại diện theo Pháp luật và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Đại diện theo Pháp luật, Kế toán trưởng của Công ty:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Trần Tổng Sáng	Chủ tịch HĐQT	28/02/2018	24/02/2021
Ông Trịnh Vĩ Đạt	Thành viên HĐQT	26/06/2018	24/02/2021
Ông Diệp Vĩnh Thành	Thành viên HĐQT	05/03/2020	24/02/2021
Ông Wang Chang Min	Thành viên HĐQT	24/04/2018	24/02/2021
Ông Su Kiven	Thành viên HĐQT	14/04/2020	24/02/2021
Bà Trần Thị Thu Hằng	Chủ tịch HĐQT	24/02/2021	21/05/2021
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT	24/02/2021	
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Chủ tịch HĐQT	22/05/2021	11/01/2022
Bà Nguyễn Thị Mai Hương	Thành viên HĐQT	24/02/2021	
Bà Nguyễn Thủy Nguyên	Thành viên HĐQT	21/05/2021	
Ông Nguyễn Nam Hưng	Thành viên HĐQT	10/01/2022	
Ông Nguyễn Nam Hưng	Chủ tịch HĐQT	11/01/2022	
Bà Đỗ Thị Định	Thành viên HĐQT	10/01/2022	

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Đỗ Thị Thùy Giang	Tổng Giám đốc	20/05/2021	
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Phó Tổng Giám đốc	22/09/2021	
Ông Nguyễn Nam Hưng	Giám đốc điều hành	30/07/2021	

Đại diện theo pháp luật

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Trần Thị Thu Hằng	Chủ tịch HĐQT	24/02/2021	21/05/2021
Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh	Chủ tịch HĐQT	22/05/2021	11/01/2022
Ông Nguyễn Nam Hưng	Chủ tịch HĐQT	11/01/2022	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Trưởng ban	26/04/2021	
Ông Dương Tuấn Dũng	Thành viên	26/04/2021	
Ông Dương Thành Trung	Thành viên	26/04/2021	

Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức danh	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Vũ Hiền Thảo	Kế toán trưởng	28/04/2021	

7. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty Cổ phần Chứng khoán KS.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS

Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

8. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với báo cáo tài chính riêng

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh riêng, báo cáo biến động vốn chủ sở hữu riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không còn chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Các chuẩn mực kế toán đang áp dụng được Công ty tuân thủ, không có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng này;
- Lập các báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng, tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp kinh doanh chứng khoán Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

9. Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2022

Tổng Giám đốc



Đỗ Thị Thùy Giang

Số : 55/BCKT/TC/2022/AASCS

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán KS được lập ngày 28/01/2022 từ trang 08 đến trang 40, bao gồm Báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động riêng, Báo cáo biến động vốn chủ sở hữu riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán cho công ty chứng khoán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính riêng của Công ty Cổ phần Chứng khoán KS tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như báo cáo kết quả hoạt động riêng, báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng và các luồng lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Lập, ngày 28 tháng 02 năm 2022

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Phía Nam
Phó Tổng Giám đốc



LÊ ĐÌNH ÁI

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 3770-2018-142-1

Kiểm toán viên

NGUYỄN THỊ MỸ NGỌC

Số giấy CNDKHN kiểm toán: 1091-2018-142-1



BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 130)	100		1.470.253.518.991	19.272.597.646
I. Tài sản tài chính	110		1.466.606.922.966	810.642.629
Tiền và các khoản tương đương tiền	111	V.1	308.057.085.911	29.554.134
- Tiền	111.1		308.057.085.911	29.554.134
Các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	112	V.3.1	989.583.616.200	-
Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	113	V.3.4	115.500.000.000	-
Các khoản cho vay	114	V.3.3	942.630.757	11.088.495
Các khoản phải thu	117	V.4.1	1.908.147.256	-
- Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính	117.2	V.4.1	1.908.147.256	-
+ Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	117.4	V.4.1	1.908.147.256	-
Trả trước cho người bán	118	V.4.3	375.840.650	-
Phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp	119	V.4.2	49.275.268.285	770.000.000
Các khoản phải thu khác	122	V.4.4	964.333.907	-
II. Tài sản ngắn hạn khác	130		3.646.596.025	18.461.955.017
Tạm ứng	131		240.050.000	18.256.110.000
Chi phí trả trước ngắn hạn	133	V.5.1	3.291.774.995	23.846.664
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	135		114.771.030	181.998.353
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)	200		29.823.747.000	6.305.692.221
II. Tài sản cố định	220		22.373.093.086	5.581.869.982
Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	3.993.871.243	1.309.825.687
- Nguyên giá	222		6.851.749.308	3.410.695.908
- Giá trị hao mòn lũy kế	223a		(2.857.878.065)	(2.100.870.221)
Tài sản cố định vô hình	227	V.7	18.379.221.843	4.272.044.295
- Nguyên giá	228		20.972.334.272	6.306.834.272
- Giá trị hao mòn lũy kế	229a		(2.593.112.429)	(2.034.789.977)
V. Tài sản dài hạn khác	250		7.450.653.914	723.822.239
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	251	V.8	663.395.920	362.345.920
Chi phí trả trước dài hạn	252	V.5.2	6.452.032.733	7.390.379
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	254	V.9	335.225.261	354.085.940
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.500.077.265.991	25.578.289.867

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)	300		309.604.876.074	468.199.897
I. Nợ phải trả ngắn hạn	310		299.923.692.834	468.199.897
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311		114.012.883.892	-
- Vay ngắn hạn	312	V.11	114.012.883.892	-
Phải trả người bán ngắn hạn	320	V.12	8.506.463.275	-
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	322	V.13	51.153.881.825	6.264.757
Phải trả người lao động	323		40.932.471.379	265.977.522
Chi phí phải trả ngắn hạn	325	V.14	766.105.095	90.000.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	327	V.15	68.887.156.308	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	329	V.16	15.664.731.060	105.957.618
II. Nợ phải trả dài hạn	340		9.681.183.240	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	356	V.10	9.681.183.240	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)	400		1.190.472.389.917	25.110.089.970
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	1.190.472.389.917	25.110.089.970
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.000.373.030.000	110.538.460.000
- Vốn góp của chủ sở hữu	411.1		1.000.373.030.000	110.538.460.000
+ Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411.1a		1.000.373.030.000	110.538.460.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	411.1b		-	-
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	414		10.618.277.150	-
Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	415		10.618.277.150	-
Lợi nhuận chưa phân phối	417		168.862.805.617	(85.428.370.030)
- Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	417.1		130.138.072.657	(85.428.370.030)
- Lợi nhuận chưa thực hiện	417.2		38.724.732.960	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)	440		1.500.077.265.991	25.578.289.867

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
Cổ phiếu đang lưu hành	06		100.037.303	11.053.846
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của CTCK	8	V.18.1	17.475.060.000	-
- Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	008.1		17.475.060.000	-
Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của CTCK	12	V.18.2	945.000.000.000	-
B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG				
Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư	21	V.18.3	1.217.793.510.000	7.068.780.000
- Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	021.1		264.192.680.000	7.038.780.000
- Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng	021.2		17.046.830.000	-
- Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	021.3		585.000.000.000	-
- Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	021.4		350.144.000.000	-
- Tài sản tài chính chờ thanh toán	021.5		1.410.000.000	30.000.000
Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch của Nhà đầu tư	22	V.18.4	110.000	460.000
- Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	022.1		110.000	460.000
Tài sản tài chính chờ về của Nhà đầu tư	23	V.18.5	6.103.070.000	10.500.000
Tiền gửi của khách hàng	26	V.18.6	386.779.004.845	2.040.088.125
Tiền gửi về hoạt động môi giới chứng khoán	27		377.152.969.205	2.018.102.125
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	27.1		377.152.969.205	2.018.102.125
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	28		9.579.349.562	21.986.000
Tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán	30	V.18.7	46.686.078	-
Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	31	V.18.8	386.732.318.767	2.040.088.125
- Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	31.1		385.318.662.975	444.478.082
- Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	31.2		1.413.655.792	1.595.610.043
Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	32	V.18.9	46.686.078	-

Người lập biểu



Trần Thị Kim Oanh

Kế toán trưởng



Vũ Hiền Thảo

Lập ngày 28 tháng 01 năm 2022

Tổng Giám đốc



Đỗ Thị Thùy Giang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
Lãi từ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	01		86.131.287.578	-
- Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	01.1	VI.1.1	16.709.788.529	-
- Chênh lệch tăng đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	01.2	VI.1.2	48.405.916.200	-
- Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL	01.3	VI.1.3	21.015.582.849	-
Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	02	V.1.4	3.975.164.382	-
Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	03	V.1.4	37.673.307	2.085.998
Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	06	V.1.4	220.381.419.621	380.126.753
Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	07	V.1.4	19.900.000.000	-
Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	09	V.1.4	214.147.109.293	1.587.038
Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	10	V.1.4	-	8.000.000.000
Thu nhập hoạt động khác	11	V.1.4	60.405.201.416	22.390.487
Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01-->11)	20	VI.1	604.977.855.597	8.406.190.276
II. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
Lỗ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	21		619.788.662	-
- Lỗ bán các tài sản tài chính	21.1		619.788.662	-
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	27		187.225.944.575	651.319.145
Chi phí nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	28		68.813.300	-
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	30		1.126.249.147	-
Chi phí các dịch vụ khác	32		355.463.681	1.272.364
+ Trong đó: Chi phí sửa lỗi giao dịch chứng khoán, lỗi khác	33		978.780	-
Cộng chi phí hoạt động (40 = 21-->32)	40	VI.3	189.396.259.365	652.591.509
III. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định	42		328.501.114	3.697.369
Doanh thu khác về đầu tư	44		509.000	-
Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41-->44)	50	VI.2	329.010.114	3.697.369
IV. CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
Chi phí lãi vay	52		9.053.978	-
Chi phí tài chính khác	55		9.682.192	-
Cộng chi phí tài chính (60 = 51-->55)	60	VI.4	18.736.170	-

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
V. CHI PHÍ BÁN HÀNG	61		-	-
VI. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	62	VI.5	78.186.433.921	9.412.808.746
VII. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70= 20+50-40-60-61-62)	70		337.705.436.255	(1.655.512.610)
VIII. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
Thu nhập khác	71	VI.6	1.089.564.252	3.181.818
Chi phí khác	72	VI.7	486.948.695	40.902.722
Cộng kết quả hoạt động khác (80= 71-72)	80		602.615.557	(37.720.904)
IX. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90=70 + 80)	90		338.308.051.812	(1.693.233.514)
Lợi nhuận đã thực hiện	91		289.902.135.612	(1.693.233.514)
Lợi nhuận chưa thực hiện	92		48.405.916.200	-
X. CHI PHÍ THUẾ TNDN	100		62.780.321.865	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	100.1	VI.8.1	53.099.138.625	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	100.2	VI.8.2	9.681.183.240	-
XI. LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)	200		275.527.729.947	(1.693.233.514)
XII. THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN	300		-	-
XIII. THU NHẬP THUẦN TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG	500			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	501	VI.10	4.243	(153)
Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu (Đồng/1 cổ phiếu)	502	VI.11	4.243	(153)

Người lập biểu



Trần Thị Kim Oanh

Kế toán trưởng



Vũ Hiền Thảo

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2022

Tổng Giám đốc




Đỗ Thị Thùy Giang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền đã chi mua các tài sản tài chính	01		(8.990.800.858.079)	-
Tiền đã thu từ bán các tài sản tài chính	02		7.950.029.674.660	-
Tiền lãi đã thu	05		22.782.421.933	3.697.369
Tiền chi trả Tổ chức cung cấp dịch vụ cho CTCK	07		(1.393.764.479)	-
Tiền chi trả cho người lao động	08		(106.299.263.594)	(3.383.438.891)
Tiền chi nộp thuế liên quan đến hoạt động CTCK	09		(21.691.859.266)	(121.200.580)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	11		574.826.104.341	105.836.116.356
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	12		(105.596.781.639)	(103.137.357.185)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(678.144.326.123)	(802.182.931)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	21		(17.665.913.800)	-
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, BĐSĐT và các tài sản khác	22		-	3.181.818
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17.665.913.800)	3.181.818
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		889.834.570.000	-
Tiền vay gốc	33		114.003.201.700	-
Tiền vay khác	33.2		114.003.201.700	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.003.837.771.700	-
IV. Tăng/giảm tiền thuần trong năm	50		308.027.531.777	(799.001.113)
V. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		29.554.134	828.555.247
Tiền	61		29.554.134	328.555.247
Các khoản tương đương tiền	62		-	500.000.000
VI. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70		308.057.085.911	29.554.134
Tiền	71		308.057.085.911	29.554.134

**PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI,
ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng				
Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	01		4.583.327.378.080	31.996.975.841
Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	02		(9.313.083.170.490)	(30.431.321.326)
Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	07		13.546.993.180.491	-
Nhận tiền gửi của Nhà đầu tư cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng	08		(8.434.857.960.537)	-
Chi lỗi giao dịch chứng khoán	11		(55.885.887)	-
Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán	14		30.200.965.930	-
Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán	15		(27.785.590.867)	-
Tăng/giảm tiền thuần trong năm	20		384.738.916.720	1.565.654.515
II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	30		2.040.088.125	474.433.610
Tiền gửi ngân hàng đầu năm:	31		2.040.088.125	474.433.610
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	32		2.018.102.125	408.833.610
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	33		21.986.000	65.600.000
- Tiền gửi của tổ chức phát hành	35		-	-
III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng (40 = 20 + 30)	40		386.779.004.845	2.040.088.125
Tiền gửi ngân hàng cuối năm:	41		386.779.004.845	2.040.088.125
- Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	42		377.152.969.205	2.018.102.125
- Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	43		9.579.349.562	21.986.000
- Tiền gửi của tổ chức phát hành	45		46.686.078	-
Các khoản tương đương tiền	46		-	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	47		-	-

Người lập biểu



Trần Thị Kim Oanh

Kế toán trưởng



Vũ Hiền Thảo



Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2022

Tổng Giám đốc

CÔNG TY
CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN
KS

Đỗ Thị Thùy Giang

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU RIÊNG

Năm 2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm		Số tăng/giảm				Số dư cuối năm	
	01/01/2020	01/01/2021	Năm trước		Năm nay		31/12/2020	31/12/2021
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	I	2	3	4	5	6	7	8
I. Biến động vốn chủ sở hữu	26.803.323.484	25.110.089.970	-	(1.693.233.514)	1.186.598.854.247	(21.236.554.300)	25.110.089.970	1.190.472.389.917
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	110.538.460.000	110.538.460.000	-	-	889.834.570.000	-	110.538.460.000	1.000.373.030.000
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	-	-	-	10.618.277.150	-	-	10.618.277.150
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	-	-	-	-	10.618.277.150	-	-	10.618.277.150
5. Lợi nhuận chưa phân phối	(83.735.136.516)	(85.428.370.030)	-	(1.693.233.514)	275.527.729.947	(21.236.554.300)	(85.428.370.030)	168.862.805.617
5.1. Lợi nhuận đã thực hiện	(83.735.136.516)	(85.428.370.030)	-	(1.693.233.514)	236.802.996.987	(21.236.554.300)	(85.428.370.030)	130.138.072.657
5.2. Lợi nhuận chưa thực hiện	-	-	-	-	38.724.732.960	-	-	38.724.732.960
II. Thu nhập toàn diện khác	-	-	-	-	-	-	-	-
Cộng	26.803.323.484	25.110.089.970	-	(1.693.233.514)	1.186.598.854.247	(21.236.554.300)	25.110.089.970	1.190.472.389.917

Người lập biểu



Trần Thị Kim Oanh

Kế toán trưởng



Vũ Hiền Thảo

Lập, ngày 28 tháng 01 năm 2022



Đỗ Thị Thùy Giang



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Chứng khoán KS tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Việt Nam Gateway, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005774 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 22/12/2006; Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 42/UBCK-GPHĐKD ngày 28/12/2006; các Giấy phép điều chỉnh số 09/GPĐC-UBCK ngày 11/03/2021, Giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK ngày 15/07/2021, Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 13/01/2022, Giấy phép điều chỉnh số 13/GPĐC-UBCK ngày 28/01/2022 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp và Quyết định số 43/QĐ-UBCK ngày 19/01/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc chấp thuận thành lập văn phòng đại diện công ty chứng khoán.

Vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 12.000.000.000 VND và được bổ sung trong từng thời kỳ theo các Giấy phép điều chỉnh. Theo giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15/07/2021, vốn điều lệ của công ty là 1.000.373.030.000 VND.

Tên Tiếng Anh: KS Securities Joint Stock Company

Tên viết tắt: KSS

Trụ sở chính của Công ty tại Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội, Việt Nam.

2. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần được cấp giấy phép thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh

Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán.

4. Quy mô vốn Công ty chứng khoán

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy phép điều chỉnh số 54/GPĐC-UBCK 1.000.373.030.000 VND

Vốn thực góp của Công ty tại ngày 31/12/2021 1.000.373.030.000 VND

5. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu hoạt động của Công ty là kinh doanh có hiệu quả trong lĩnh vực chứng khoán, mang lại lợi nhuận cho các cổ đông, tạo công việc cho người lao động và phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh.

6. Hạn chế đầu tư

Thực hiện theo Điều 28 Thông tư 121/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2020, cụ thể:

Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.

Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.

Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS

Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:

- Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
- Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
- Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
- Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
- Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
- Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.

Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:

- Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty đang thực hiện;
- Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);

Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức đầu tư theo quy định.

7. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Không phát sinh vấn đề gì trọng yếu cần công bố trong báo cáo này.

8. Tổng số nhân viên tại ngày 31/12/2021 là 342 người. Tại ngày 31/12/2020 là 14 người.

9. Cấu trúc Công ty Chứng khoán

Tại ngày 31/12/2021, Công ty không có thành lập Chi nhánh hoặc sở hữu Công ty con hoặc Công ty liên kết nào.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán tại Việt Nam ban hành theo Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán và chế độ báo cáo tài chính áp dụng đối với công ty chứng khoán.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán, các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động riêng, báo cáo tình hình vốn chủ sở hữu riêng và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày báo cáo tài chính".

3. Hình thức kế toán áp dụng

Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

1.1. Ghi nhận vốn bằng tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

1.2. Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

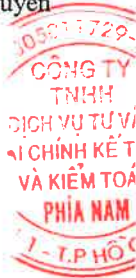
Thực hiện theo quy định hiện hành về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong việc quy đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán được hạch toán theo tỷ giá giao dịch của ngân hàng thương mại tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại như sau:

- Các khoản mục tài sản được đánh giá lại sử dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;

- Các khoản mục nợ phải trả được đánh giá lại sử dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động riêng.



Đối với doanh nghiệp có sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái thì các khoản vay, nợ phải trả có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Doanh nghiệp không được đánh giá lại các khoản vay, nợ phải trả có gốc ngoại tệ đã sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái.

2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán, nợ tài chính:

2.1. Nguyên tắc phân loại tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Công ty (bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh) được phân thành các nhóm sau đây dựa vào bản chất và mục đích sở hữu tại ngày mua:

a. Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)

Các tài sản tài chính FVTPL là tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn;
- Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính xác định sẽ được trình bày hợp lý hơn nếu phân loại vào tài sản tài chính FVTPL vì một trong các lý do sau đây:

- Việc phân loại vào tài sản tài chính FVTPL loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị tài sản tài chính theo các cơ sở khác nhau;
- Tài sản Tài chính thuộc một nhóm các Tài sản Tài chính được quản lý và kết quả quản lý được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị đồng thời phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư của Công ty.

Các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản không bao gồm chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này) và được tiếp tục ghi nhận sau ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch giảm do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá thị trường so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng trên khoản mục "Chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL". Khoản chênh lệch tăng do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL theo giá thị trường so với kỳ trước được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động riêng trên khoản mục "Chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL".

Chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào chi phí giao dịch mua các tài sản tài chính của báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)

Các tài sản tài chính HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các tài sản tài chính HTM được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua của tài sản cộng (+) các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này như phí môi giới, phí giao dịch, phí đại lý phát hành và phí ngân hàng). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính HTM được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản đầu tư HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi (-) các khoản hoàn trả gốc cộng (+) hoặc trừ (-) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các khoản đầu tư HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong kỳ hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

c. Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoàn hảo, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các khoản mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá trị giải ngân của khoản cho vay). Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực.

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

d. Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các khoản cho vay và phải thu;
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn;
- Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua lãi/lỗ.

Các tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc (giá mua cộng các chi phí giao dịch phát sinh trực tiếp từ việc mua các tài sản tài chính này). Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính AFS được ghi nhận theo giá trị hợp lý.

Khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS thay đổi theo giá thị trường (tăng hoặc giảm) so với kỳ trước được thể hiện trên khoản mục "Chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS" thuộc phần Thu nhập toàn diện khác trên báo cáo kết quả hoạt động riêng.

2.2. Nguyên tắc phân loại nợ tài chính

Nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh, các khoản nợ vay, nợ vay tài sản tài chính, trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu phát hành, nợ thuế tài sản tài chính, phải trả người bán, các khoản nợ phải trả phát sinh trong hoạt động kinh doanh chứng khoán.

Nợ tài chính được chấm dứt ghi nhận khi Công ty không còn nghĩa vụ bắt buộc phải thanh toán tiền mặt hoặc tài sản tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu cho đơn vị khác.

2.3. Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

2.4 Nguyên tắc dừng ghi nhận tài sản tài chính và nợ tài chính

Tài sản tài chính (hoặc một phần của một nhóm tài sản tài chính tương tự) được ngừng ghi nhận khi:

- Công ty không còn quyền thu tiền phát sinh từ các tài sản tài chính; hoặc
- Công ty không chuyển giao hay giữ lại toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn với tài sản đó nhưng đã chuyển giao quyền kiểm soát tài sản.

Khi công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

Việc tiếp tục tham gia mà có hình thức bảo lãnh các tài sản chuyển nhượng sẽ được ghi nhận theo giá trị nhỏ hơn giữa giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản và số tiền tối đa mà Công ty được yêu cầu phải thanh toán.

2.5. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày về dự phòng suy giảm giá trị tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được xem xét khả năng suy giảm giá trị tại ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các tài sản tài chính có thể chuyển nhượng được trên thị trường tại ngày kết thúc năm kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá trị sổ sách và giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 146/2014/TT-BTC. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay".

091172
CÔNG T
TNHN
CH VỤ T
CHÍNH K
À KIỂM T
PHÍA NA
- T.P H

Nguyên tắc khấu hao tài sản cố định

Khấu hao và hao mòn tài sản cố định hữu hình và vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

	<u>Số năm khấu hao ước tính</u>
- Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
- Phương tiện vận tải	06 năm
- Phần mềm	03 - 15 năm
- Tài sản vô hình khác	05 năm

5. Nguyên tắc ghi nhận và trình bày các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn

Theo dõi chi tiết từng khoản tiền ký quỹ, ký cược của từng khách hàng theo kỳ hạn và theo từng loại nguyên tệ. Các khoản ký cược, ký quỹ có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng được trình bày là tài sản ngắn hạn, các khoản có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng được trình bày là tài sản dài hạn.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu

6.1. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu về tài sản tài chính

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, ghi chép theo từng giao dịch và từng lần phát sinh.

6.2. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản phải thu khác

Được hạch toán chi tiết cho từng đối tượng, từng nội dung phải thu, theo dõi chi tiết kỳ hạn thu hồi và ghi chép theo từng lần thanh toán.

6.3. Nguyên tắc và phương pháp kế toán dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo tổn thất dự kiến có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động trên khoản mục "Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi, lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay" trong năm.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08/08/2019 và các văn bản hướng dẫn bổ sung, tỷ lệ dự phòng cụ thể như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

Các khoản chi phí được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần từ 01 đến 03 năm vào báo cáo thu nhập toàn diện.



8. Nguyên tắc và phương pháp kế toán các khoản nợ phải trả ngắn hạn, dài hạn

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả (bao gồm việc đánh giá lại nợ phải trả thỏa mãn định nghĩa các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ) và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

9. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận vốn chủ sở hữu của CTCK

9.1. Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông theo điều lệ Công ty. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

9.2. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận CTCK

a. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận đã thực hiện

Là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào báo cáo kết quả hoạt động riêng của công ty lũy kế phát sinh trong kỳ.

b. Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa thực hiện

Là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của báo cáo kết quả hoạt động riêng thuộc danh mục tài sản tài chính lũy kế phát sinh trong kỳ.

9.3. Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái

a. Chênh lệch tỷ giá hối đoái thực hiện trong kỳ

Là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán tại thời điểm phát sinh giao dịch bằng ngoại tệ.

b. Chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ

Là chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán tại thời điểm cuối kỳ kế toán.

Đối với doanh nghiệp có sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái thì các khoản vay, nợ phải trả có gốc ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh. Doanh nghiệp không được đánh giá lại các khoản vay, nợ phải trả có gốc ngoại tệ đã sử dụng công cụ tài chính để dự phòng rủi ro hối đoái.

9.4. Nguyên tắc phân phối lợi nhuận của CTCK (cho cổ đông hoặc thành viên góp vốn, các quỹ của CTCK)

Lợi nhuận sau thuế TNDN được trích các quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành.



10. Nguyên tắc ghi nhận các quỹ dự trữ:

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC ngày 6/10/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ, lợi nhuận thực hiện sau khi bù đắp lỗ năm trước Công ty phải trích lập các quỹ sau:

	Số trích lập hàng năm	Số dư tối đa
- Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh sau khi đã được bù đắp bằng tiền bồi thường của các tổ chức bảo hiểm hoặc cá nhân gây ra tổn thất.

Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích từ lợi nhuận sau thuế hàng năm để bổ sung vốn điều lệ của công ty.

Công ty không được sử dụng quỹ dự phòng tài chính và quỹ dự phòng bổ sung vốn điều lệ để chi trả cổ tức.

11. Nguyên tắc và phương pháp kế toán ghi nhận các khoản doanh thu, thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính

a. Từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM, AFS

Thu nhập từ bán các tài sản tài chính FVTPL được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.

Thu nhập từ tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay, AFS được ghi nhận trên cơ sở lãi dồn tích theo thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ kế toán.

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM, các khoản cho vay, AFS được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Đối với cổ phiếu thưởng, Công ty chỉ ghi tăng số lượng cổ phiếu được hưởng mà không ghi tăng doanh thu từ cổ tức.

b. Từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn (Đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết)

Cổ tức, lợi nhuận được chia phát sinh từ đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết hoặc đầu tư dài hạn khác được ghi nhận khi quyền sở hữu đối với các khoản đầu tư của Công ty được xác lập trước ngày giao dịch không hưởng quyền và có thông báo chia cổ tức từ tổ chức phát hành.

Doanh thu từ tiền lãi là doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) ngoại trừ lãi dồn tích trước ngày mua (được ghi giảm giá gốc chứng khoán) hoặc khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu từ dịch vụ và doanh thu khác

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được xác định trên cơ sở mức phí môi giới mà Nhà đầu tư phải trả cho Công ty khi giao dịch chứng khoán được thực hiện.

Doanh thu về nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán được xác định trên cơ sở mức phí và hoa hồng được hưởng theo thỏa thuận với tổ chức phát hành khi dịch vụ đã được thực hiện.

Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán là khoản phí thu được của khách hàng về cung cấp các dịch vụ về nghiệp vụ lưu ký chứng khoán.



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS

Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính là doanh thu phát sinh từ cung cấp các dịch vụ tư vấn tài chính cho khách hàng bao gồm: tư vấn tài chính trên thị trường chứng khoán, tư vấn mua bán, sáp nhập....

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: truy thu hoa hồng các hợp đồng trái phiếu thanh lý trước hạn, thu từ đóng góp của nhân viên ứng với phần hao mòn của máy tính bảng và các khoản khác được ghi nhận là thu nhập khác theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 - Doanh thu và thu nhập khác.

14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu tài chính, chi phí hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi tiền gửi; chiết khấu thanh toán được hưởng, cổ tức hoặc lợi nhuận được chia của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh; lãi tỷ giá hối đoái.

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;
- Tiền bản quyền được ghi nhận trên cơ sở dồn tích phù hợp với hợp đồng;
- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

Chi phí tài chính bao gồm: chi phí lãi vay, lỗ tỷ giá hối đoái khi đánh giá lại các khoản mục ngoại tệ cuối năm.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý công ty chứng khoán

Chi phí thực tế đã phát sinh và các khoản dự chi (nếu có) có liên quan trực tiếp đến hoạt động quản lý trong kỳ phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

16. Nguyên tắc ghi nhận thu nhập khác, chi phí khác

a. Ghi nhận thu nhập khác

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động kinh doanh, đầu tư của CTCK phát sinh trong kỳ.

b. Ghi nhận chi phí khác

Các khoản chi phí khác ngoài các khoản chi phí phục vụ cho hoạt động kinh doanh, đầu tư các tài sản tài chính.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN

a. Thuế TNDN hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho cơ quan thuế, sử dụng mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

b. Thuế TNDN hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.



Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho giai đoạn tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo thu nhập toàn diện ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

18. Các nguyên tắc và chính sách kế toán khác

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán công ty Chứng khoán và quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán.

19. Nguyên tắc ghi nhận, quản lý và trình bày trên Báo cáo tài chính về tài sản và nợ phải trả khách hàng

Tuân thủ Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán công ty Chứng khoán và quy định hiện hành về pháp luật Chứng khoán.

20. Công cụ tài chính

Căn cứ Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi Chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện theo hướng dẫn về việc không trình bày và thuyết minh công cụ tài chính theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo tài chính của Công ty.

21. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

011729
CÔNG TY
TNHH
VỤ TỰ
TÍNH KẾT
KIỂM TOÁN
PHÍA NAM
T.P HỒ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS

Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG**1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG TƯƠNG TIỀN**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền	308.057.085.911	29.554.134
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của CTCK	308.057.085.911	29.554.134
Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	308.057.085.911	29.554.134

2. GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	<i>Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</i>	<i>Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm</i>
Của Công ty chứng khoán	2.177.506	129.062.780.000
- Cổ phiếu	1.777.506	88.783.580.000
- Trái phiếu	400.000	40.279.200.000
- Chứng khoán khác	-	-
Của nhà đầu tư	131.905.401	9.307.768.743.500
- Cổ phiếu	58.478.401	1.968.716.144.500
- Trái phiếu	73.380.000	7.338.000.000.000
- Chứng khoán khác	47.000	1.052.599.000
Cộng	134.082.907	9.436.831.523.500

3. CÁC LOẠI TÀI SẢN TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	<i>Số cuối năm</i>		<i>Số đầu năm</i>	
	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá trị hợp lý</i>
3.1 Tài sản FVTPL				
+ Cổ phiếu niêm yết	87.375.300.000	135.781.216.200	-	-
+ Trái phiếu chưa niêm yết	341.128.200.000	341.128.200.000	-	-
+ Chứng chỉ tiền gửi	512.674.200.000	512.674.200.000	-	-
Cộng	941.177.700.000	989.583.616.200	-	-
3.2 Tài sản AFS				
+ Cổ phiếu	-	-	-	-
+ Trái phiếu	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-
3.3 Các khoản cho vay và phải thu				
+ Cho vay ứng trước tiền bán của khách hàng	942.630.757	942.630.757	11.088.495	11.088.495
Cộng	942.630.757	942.630.757	11.088.495	11.088.495
3.4 Tài sản HTM				
+ Trái phiếu niêm yết	-	-	-	-
+ Công cụ thị trường tiền tệ	115.500.000.000	115.500.000.000	-	-
+ HTM cho vay	-	-	-	-
Cộng	115.500.000.000	115.500.000.000	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS

Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

4. CÁC KHOẢN PHẢI THU

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
4.1. Các khoản phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư	1.908.147.256	-
4.2. Phải thu các dịch vụ Công ty cung cấp	49.275.268.285	770.000.000
- Phải thu phí tư vấn và đại lý phát hành, lưu ký, quản lý TSBĐ, đại diện người sở hữu trái phiếu	21.120.335.400	770.000.000
+ Công ty Cổ phần Fcorp	-	770.000.000
+ Công ty Cổ phần Sunshine Marina Nha Trang	3.514.172.900	-
+ Công ty Cổ phần Sunshine AM2	5.543.279.400	-
+ Công ty Cổ phần đầu tư thương mại Sunrise Business	303.178.600	-
+ Công ty Cổ phần Sunshine Cab	1.109.589.000	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sunrise Việt Nam	784.452.400	-
+ Công ty Cổ phần Kinh doanh nhà Sunshine	443.883.000	-
+ Công ty Cổ phần tập đoàn Sunshine	9.421.780.100	-
- Phải thu môi giới trái phiếu	28.154.932.885	-
+ Công ty Cổ phần KS Group	26.784.882.715	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư KS Finance	1.370.050.170	-
4.3. Trả trước cho người bán	375.840.650	-
- Trả trước tiền thuê văn phòng	375.840.650	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và cho thuê tài sản TNL	375.840.650	-
4.4. Phải thu khác	964.333.907	-
- Phải thu thuế TNCN giữ lại từ giao dịch chuyển nhượng CK	671.412.239	-
+ Công ty Cổ phần KS Group	662.071.345	-
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine Internatinal Property Technology	5.263.269	-
+ Công ty Cổ phần Đầu tư KS Finance	4.077.625	-
- Phải thu khác	292.921.668	-
5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
5.1 Chi phí trả trước ngắn hạn chờ phân bổ	3.291.774.995	23.846.664
- Công cụ dụng cụ	393.861.145	23.846.664
- Chi phí bảo trì phần mềm	206.208.336	-
- Chi phí phần mềm bản quyền Microsoft Office, EMS	787.853.827	-
- Cước internet, thuê kênh đường truyền	493.929.591	-
- Chi phí thuê văn phòng	94.300.000	-
- Chi phí khác	175.122.096	-
- Chi phí bảo lãnh vay ngân hàng	1.140.500.000	-
5.2 Chi phí trả trước dài hạn chờ phân bổ	6.452.032.733	7.390.379
- Công cụ dụng cụ	6.031.525.018	7.390.379
- Chi phí phần mềm bản quyền kaspersky	5.273.330	-
- Cước internet, thuê kênh đường truyền	266.405.956	-
- Chi phí khác	148.828.429	-
Cộng	9.743.807.728	31.237.043



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS

Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

6. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	3.410.695.908	-	-	3.410.695.908
Mua trong năm	893.803.400	1.860.000.000	687.250.000	3.441.053.400
Số dư cuối năm	4.304.499.308	1.860.000.000	687.250.000	6.851.749.308
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	2.100.870.221	-	-	2.100.870.221
Khấu hao trong năm	582.493.722	143.333.335	31.180.787	757.007.844
Số dư cuối năm	2.683.363.943	143.333.335	31.180.787	2.857.878.065
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	1.309.825.687	-	-	1.309.825.687
Số dư cuối năm	1.621.135.365	1.716.666.665	656.069.213	3.993.871.243

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 618.885.908 VND

7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản	Phần mềm	Tài sản vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	5.449.878.000	856.956.272	6.306.834.272
Mua trong năm	14.665.500.000	-	14.665.500.000
Số dư cuối năm	20.115.378.000	856.956.272	20.972.334.272
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.316.376.676	718.413.301	2.034.789.977
Khấu hao trong năm	507.572.004	50.750.448	558.322.452
Số dư cuối năm	1.823.948.680	769.163.749	2.593.112.429
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	4.133.501.324	138.542.971	4.272.044.295
Số dư cuối năm	18.291.429.320	87.792.523	18.379.221.843

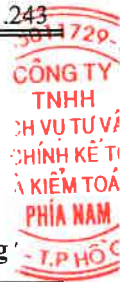
Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 967.502.000 VND

8. CÁC TÀI SẢN ĐÃ CÀM CỐ, THẺ CHẤP

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn		
- Tiền đặt cọc thuê văn phòng	513.845.920	347.845.920
- Ký quỹ mở thẻ taxi	6.000.000	6.000.000
- Đặt cọc tiền thuê máy photo, máy in	143.550.000	8.500.000
Cộng	663.395.920	362.345.920

9. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
- Tiền lãi đã rút/ hoàn trả quỹ	72.489.980	72.489.980
- Tiền lãi phân bổ hàng năm	142.735.281	161.595.960
Cộng	335.225.261	354.085.940



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS

Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

10. TÀI SẢN THUẾ TNDN HOÃN LẠI VÀ THUẾ TNDN HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>a. Tài sản thuế TNDN hoãn lại</i>	-	-
<i>b. Thuế TNDN hoãn lại phải trả</i>		
- Thuế thu nhập hoãn lại phát sinh do phần đánh giá tăng tài sản tài chính FVTPL	9.681.183.240	-
Cộng	9.681.183.240	-

11. VAY NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vay Ngân hàng Woori Bank-CN Bahrain (*)	114.009.682.192	-
- Vay cá nhân (**)	3.201.700	-
Cộng	114.012.883.892	-

Ghi chú:

(*) Vay Ngân hàng Woori Bank-CN Bahrain thời hạn từ 30/12/2021 đến 29/12/2022 lãi suất 1,44%, mục đích vay là bù đắp đầu tư và kinh doanh Trái Phiếu Chính Phủ hoặc chứng chỉ tiền gửi.

(**) Vay cá nhân với thời hạn dưới 12 tháng để bù đắp vốn cho hoạt động kinh doanh.

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Công ty Cổ phần Đầu Tư KS Finance	3.241.653.442	-
- Công ty Cổ phần Kinh doanh Bất động sản S-Việt Nam	2.095.948.579	-
- Công ty Cổ phần Quảng cáo và Truyền thông Bông Sen Việt Nam	484.507.835	-
- Công ty TNHH Tổng Công ty Công nghệ và Giải pháp CMC	433.599.660	-
- Khác	2.250.753.759	-
Cộng	8.506.463.275	-

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Các khoản phải trả phải nộp</i>		
- Thuế giá trị gia tăng	3.812.738.021	-
- Thuế thu nhập cá nhân	12.209.777.941	6.264.757
- Thuế TNDN phải nộp	35.131.365.863	-
Cộng	51.153.881.825	6.264.757
<i>Các khoản thuế phải thu</i>	-	-

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Ngắn hạn</i>	766.105.095	90.000.000
- Phải trả phí kiểm toán	76.500.000	90.000.000
- Chi phí hoa hồng môi giới bán trái phiếu	475.443.790	-
- Chi phí giao dịch các sàn Hose, HNX, VSD	133.163.135	-
- Chi phí điện thoại, internet, đỗ xe và các khoản khác	71.944.192	-
- Chi phí lãi vay	9.053.978	-
<i>Dài hạn</i>	-	-
Cộng	766.105.095	90.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS

Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

15. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Công ty Cổ phần Sunshine AM	7.363.886.955	-
- Công ty TNHH Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản Thủ Thiêm	3.316.729.545	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Xuân Đình	7.681.540.000	-
- Công ty TNHH Wonderland	5.741.100.575	-
- Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển Hoàng Long	5.005.887.000	-
- Công ty Cổ phần Kinh doanh nhà Sunshine	11.984.350.000	-
- Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Nguyên Bình	5.860.681.000	-
- Công ty Cổ phần đầu tư, thương mại và phát triển xây dựng Sunshine VNE	3.758.904.000	-
- Công ty Cổ phần đầu tư và xây dựng Sunrise Việt Nam	1.183.048.233	-
- Công ty TNHH đầu tư Big Gain	14.479.042.000	-
- Công ty Cổ phần Sunshine Homes	2.511.987.000	-
Cộng	68.887.156.308	-

16. PHẢI TRẢ PHẢI NỢP KHÁC

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn	15.664.731.060	105.957.618
- Bảo hiểm xã hội	-	75.275.000
- Bảo hiểm y tế	-	13.275.000
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	6.560.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	15.664.731.060	10.847.618
+ Phí giao dịch phải trả khách hàng	1.291.570.848	-
+ Hoa hồng phải trả Cộng tác viên	9.530.832.969	-
+ Phải trả nhân viên tiền máy tính bảng	1.207.775.700	-
+ Khác	3.634.551.543	10.847.618
Dài hạn	-	-
Cộng	15.664.731.060	105.957.618

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
17.1 Lợi nhuận chưa phân phối		
- Lợi nhuận đã thực hiện chưa phân phối	130.138.072.657	(85.428.370.030)
- Lợi nhuận chưa thực hiện	38.724.732.960	-
Cộng	168.862.805.617	(85.428.370.030)

17.2 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn góp chủ sở hữu	Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số đầu năm	110.538.460.000	-	-	(85.428.370.030)	25.110.089.970
Tăng trong năm	889.834.570.000	-	-	-	889.834.570.000
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	275.527.729.947	275.527.729.947
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(21.236.554.300)	(21.236.554.300)
Trích lập quỹ	-	10.618.277.150	10.618.277.150	-	21.236.554.300
Số cuối năm	1.000.373.030.000	10.618.277.150	10.618.277.150	168.862.805.617	1.190.472.389.917

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS

Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

17.3 Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	100.037.303	11.053.846
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	100.037.303	11.053.846
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	100.037.303	11.053.846
- Cổ phiếu phổ thông	100.037.303	11.053.846
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
Cổ phiếu do công ty nắm giữ		
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	100.037.303	11.053.846
- Cổ phiếu phổ thông	100.037.303	11.053.846
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

18. THUYẾT MINH VỀ CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**18.1 Các tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch của Công ty chứng khoán**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Cổ phiếu niêm yết - SCG	17.475.060.000	-
Cộng	17.475.060.000	-

18.2 Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSD của Công ty Chứng khoán

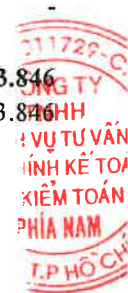
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Trái phiếu doanh nghiệp	330.000.000.000	-
- Chứng chỉ tiền gửi	500.000.000.000	-
- Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn	115.000.000.000	-
Cộng	945.000.000.000	-

18.3 Các tài sản tài chính niêm yết/ đăng ký giao dịch của nhà đầu tư

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng	264.192.680.000	7.038.780.000
- Tài sản tài chính giao dịch hạn chế chuyển nhượng	17.046.830.000	-
- Tài sản tài chính giao dịch cầm cố	585.000.000.000	-
- Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ	350.144.000.000	-
- Tài sản Tài chính chờ thanh toán	1.410.000.000	30.000.000
- Tài sản tài chính chờ cho vay	-	-
Cộng	1.217.793.510.000	7.068.780.000

18.4 Tài sản tài chính đã lưu ký tại vsd và chưa giao dịch của nhà đầu tư

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSD và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng	110.000	460.000
Cộng	110.000	460.000



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS

Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

18.5 Tài sản tài chính chờ về của nhà đầu tư

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Cổ phiếu trên sàn HNX	2.020.000	-
- Cổ phiếu trên sàn HOSE	46.420.000	10.500.000
- Cổ phiếu trên sàn UPCOM	6.054.630.000	-
Cộng	6.103.070.000	10.500.000

18.6 Tiền gửi của nhà đầu tư

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	377.152.969.205	2.018.102.125
- Tiền gửi của nhà đầu tư trong nước về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	375.740.420.002	422.492.082
- Tiền gửi của nhà đầu tư nước ngoài về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	1.412.549.203	1.595.610.043
Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	9.579.349.562	21.986.000
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư	-	-
Cộng	386.732.318.767	2.040.088.125

18.7 Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Tiền gửi của tổ chức phát hành chứng khoán	46.686.078	-
Cộng	46.686.078	-

18.8 Phải trả nhà đầu tư của công ty chứng khoán

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	385.318.662.975	444.478.082
- Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý	1.413.655.792	1.595.610.043
Cộng	386.732.318.767	2.040.088.125

18.9 Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán

- Phải trả Tổ chức phát hành chứng khoán	46.686.078	-
Cộng	46.686.078	-

19. TÌNH HÌNH PHÂN PHỐI THU NHẬP CHO CỔ ĐỒNG HOẶC CÁC THÀNH VIÊN GÓP VỐN

Kế hoạch phân phối thu nhập cho cổ đông hoặc các thành viên góp vốn được thực hiện sau khi có quyết định của Đại hội đồng cổ đông dự kiến được tổ chức vào đầu năm 2022.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS

Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

VI. THUYẾT MINH VỀ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG**1. THU NHẬP**

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
1.1. Lãi từ bán các tài sản tài chính	16.709.788.529	-
- Trái phiếu chưa niêm yết	16.709.706.337	-
- Công cụ thị trường tiền tệ- Giấy tờ có giá	82.192	-
1.2. Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính	48.405.916.200	-
- Loại FVTPL - Cổ phiếu niêm yết	48.405.916.200	-
1.3. Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính FVTPL, HTM, AFS	21.015.582.849	-
- Từ tài sản tài chính FVTPL	21.015.582.849	-
1.4. Doanh thu ngoài thu nhập các tài sản tài chính	518.846.568.019	8.406.190.276
- Lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	3.975.164.382	-
- Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	37.673.307	2.085.998
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	220.381.419.621	380.126.753
- Doanh thu bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán	19.900.000.000	-
- Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán	214.147.109.293	1.587.038
- Doanh thu hoạt động tư vấn tài chính	-	8.000.000.000
- Thu nhập hoạt động khác	60.405.201.416	22.390.487
Cộng	604.977.855.597	8.406.190.276

2. DOANH THU TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Doanh thu lãi tiền gửi	328.501.114	3.697.369
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	509.000	-
Cộng	329.010.114	3.697.369

3. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG, CUNG CẤP DỊCH VỤ

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Lãi bán các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi lỗ (FVTPL)	619.788.662	-
- Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	187.225.944.575	651.319.145
- Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	1.126.249.147	-
- Chi phí dịch vụ khác	355.463.681	1.272.364
Cộng	189.396.259.365	652.591.509

4. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí lãi vay	9.053.978	-
- Chi phí khác	9.682.192	-
Cộng	18.736.170	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS

Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí nhân viên quản lý	61.396.055.276	3.623.468.269
- Chi phí văn phòng phẩm	553.055.158	6.323.300
- Chi phí công cụ, dụng cụ	1.874.816.834	116.640.945
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.259.178.589	999.104.460
- Chi phí thuế, phí và lệ phí	613.354.259	3.582.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.336.084.553	2.980.570.972
- Chi phí khác bằng tiền	5.153.889.252	1.683.118.800
Cộng	78.186.433.921	9.412.808.746

6. THU NHẬP KHÁC

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Thu từ thanh lý máy tính	-	3.181.818
- Thu nhập từ truy thu hoa hồng các hợp đồng TP thanh lý trước hạn	925.307.696	-
- Thu từ đóng góp của nhân viên ứng với phần hao mòn của máy tính bảng	153.888.800	-
- Thu nhập khác	10.367.756	-
Cộng	1.089.564.252	3.181.818

7. CHI PHÍ KHÁC

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
- Chi phí bồi thường đối với các hợp đồng TP thanh lý trước hạn	486.578.223	-
- Chi phí khác	370.472	40.902.722
Cộng	486.948.695	40.902.722

8. CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
8.1 Chi phí thuế thu nhập CTCK hiện hành		
- Chi phí thuế thu nhập CTCK tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	53.099.138.625	-
Tổng Chi phí thuế thu nhập CTCK hiện hành	53.099.138.625	-
8.2 Chi phí thuế thu nhập CTCK hoãn lại		
Chi phí thuế thu nhập CTCK hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	9.681.183.240	-
Tổng Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	9.681.183.240	-
Cộng	62.780.321.865	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS

Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

9. LŨY KẾ BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG RIÊNG

Chỉ tiêu	Số đầu năm	Phát sinh trong năm	Thay đổi từ vốn	Số cuối năm
			chủ sở hữu và ghi nhận vào kết quả kinh doanh	
Lợi nhuận đã thực hiện	(85.428.370.030)	215.566.442.687	-	130.138.072.657
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	38.724.732.960	-	38.724.732.960
Cộng	(85.428.370.030)	254.291.175.647	-	168.862.805.617

10. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	275.527.729.947	(1.693.233.514)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (*)	275.527.729.947	(1.693.233.514)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	64.931.501	11.053.846
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	4.243	(153)

Ghi chú:

(*) Khoản lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông chưa được tính trừ phần trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi theo quy định hiện hành.

11. THU NHẬP PHA LOÃNG TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	275.527.729.947	(1.693.233.514)
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (*)	275.527.729.947	(1.693.233.514)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	64.931.501	11.053.846
Thu nhập pha loãng trên cổ phiếu	4.243	(153)

Ghi chú:

(*) Khoản lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông chưa được tính trừ phần trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi theo quy định hiện hành.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

Công ty không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS

Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

VIII. THÔNG TIN KHÁC

1. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NIÊN ĐỘ

Theo Giấy phép điều chỉnh số 05/GPĐC-UBCK ngày 13/01/2022 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Công ty thay đổi trụ sở tại thành phố Hà Nội và đăng ký địa chỉ tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội.

Theo Giấy phép điều chỉnh số 13/GPĐC-UBCK ngày 28/01/2022 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, Công ty thay đổi người đại diện theo pháp luật là Ông Nguyễn Nam Hưng, chức danh là Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm Giám đốc điều hành.

Theo Quyết định số 43/QĐ-UNCK ngày 19/01/2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Công ty thành lập 03 văn phòng đại diện là: Công ty Cổ phần Chứng khoán KS - Văn phòng đại diện Phú Thọ, Công ty Cổ phần Chứng khoán KS - Văn phòng đại diện Thái Nguyên và Công ty Cổ phần Chứng khoán KS - Văn phòng đại diện Vĩnh Phúc.

2. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

a. Các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ với Công ty	Thời điểm trở thành bên liên quan
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Ban Quản trị Công ty	
Bà Trần Thị Thu Hằng	Cổ đông sở hữu trên 10%	24/02/2021
Công ty Cổ phần Tập đoàn Sunshine International Property Technology	Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh là Chủ tịch HĐQT của bên liên quan	24/02/2021
Công ty Cổ phần Phát triển Sunshine Homes (tên cũ là Công ty Cổ phần Xây dựng Sunshine Việt Nam)	Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh là Thành viên HĐQT của bên liên quan	24/02/2021
Công ty Cổ phần KS Group	Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh từng là Thành viên HĐQT của bên liên quan (miễn nhiệm trong năm 2021)	24/02/2021
Ngân hàng TMCP Kiên Long	Bà Trần Thị Thu Hằng là Chủ tịch HĐQT của bên liên quan	24/02/2021
Công ty Cổ phần Tập đoàn KS Finance	Công ty mẹ/ Cổ đông sở hữu trên 10% vốn cổ phần của Công ty.	22/11/2021
Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Unicloud	Chủ tịch HĐQT của bên liên quan đồng thời là Chủ tịch HĐQT của Công ty mẹ	22/11/2021
Công ty TNHH Dynamic Innovation	Cùng là Công ty con của Công ty Cổ phần Tập đoàn KS Finance	22/11/2021



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KS

Tầng 1 và tầng 6, Tòa nhà Sunshine Center, 16 Phạm Hùng, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

2. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)*b. Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan*

Tên bên liên quan	Giao dịch	Số tiền
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Lương, thưởng, phụ cấp khác	14.031.133.108
Ông Trần Tổng Sáng (Thành viên HĐQT đã miễn nhiệm)	Cho Công ty vay và nhận trả tiền vay	1.625.000.000
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sunshine Internatinal Property Technology	Mua tài sản tài chính	136.213.520.000
	Thu - nộp hộ thuế TNCN từ chuyển nhượng trái phiếu	102.518.343
Công ty Cổ phần KS Group	Doanh thu phí môi giới	214.435.264.414
	Mua tài sản tài chính	1.103.305.718.814
	Bán tài sản tài chính	6.357.714.308.724
	Chi phí phạt do khách hàng thanh lý hợp đồng trái phiếu trước hạn	486.578.230
	Thu - nộp hộ thuế TNCN từ chuyển nhượng trái phiếu	1.229.326.568

c. Số dư với các bên liên quan tại ngày 31/12/2021

Tên bên liên quan	Khoản mục	Số tiền
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc	Phải trả lương, thưởng, phụ cấp khác	4.685.046.895
Công ty Cổ phần Tập Đoàn Sunshine Internatinal Property Technology	Phải thu thuế TNCN giữ lại từ giao dịch chuyển nhượng trái phiếu	5.263.269
	Phải thu phí môi giới trái phiếu	26.784.882.715
Công ty Cổ phần KS Group	Phải thu thuế TNCN giữ lại từ giao dịch chuyển nhượng trái phiếu	662.071.345

3. TRÌNH BÀY TÀI SẢN, DOANH THU, KẾT QUẢ KINH DOANH THEO BỘ PHẬN

Trong năm, Công ty chỉ có trụ sở chính ở địa bàn thành phố Hồ Chí Minh và không có chi nhánh nào khác. Vì vậy, công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận.

4. THÔNG TIN SO SÁNH

Thông tin so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021 và báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam kiểm toán. Trong đó, ý kiến của kiểm toán viên độc lập đối với các báo cáo tình hình tài chính riêng này là ý kiến chấp nhận toàn phần.

5. THÔNG TIN VỀ HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty đang trong quá trình đầu tư xây dựng và tái cấu trúc, từng bước thực hiện những phương án để đưa Công ty hoạt động ổn định và phát triển trong thị trường chứng khoán, không có bất kỳ lý do nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty trong tương lai.

Người lập biểu



Trần Thị Kim Oanh

Kế toán trưởng



Vũ Hiền Thảo



Đỗ Thị Thùy Giang

